

Bản án số: **41/2023/HNGĐ-ST**
Ngày: 22/5/2023
"Về việc xin ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Mỹ Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Hồ Thị Hoa

- Bà Phạm Thị Việt Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2023/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Châu Hoàng G, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: ấp 6, xã Khánh Tiến, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Chị Trần Thanh Th, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Ngọc Hải, xã Đông Hưng A, huyện An Minh- Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 05/01/2023 và quá trình tố tụng nguyên đơn anh Châu Hoàng G trình bày và yêu cầu như sau:**

Anh G và chị Th chung sống với nhau như vợ chồng năm 2018, đến nay không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu thì hạnh phúc nhưng không được bao lâu phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng sống không hợp với nhau, cự cãi nhau thường xuyên nên tình cảm ngày càng phai nhạt, chị Th và anh G sống ly thân nhau từ tháng 12/2022 cho đến nay, anh chị cố gắng kéo dài thời gian để duy trì tình cảm nhưng không mang lại hiệu quả mà mâu thuẫn cho đến nay. Anh G quyết định làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh G được ly hôn với chị Th.

- Về con chung: Anh G xác định, anh và chị Th có 01 đứa con chung đặt tên Châu Minh H, sinh ngày 25/6/2020, hiện nay anh G đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh G yêu cầu được tiếp tục nuôi con, anh không yêu cầu chị Th không cấp dưỡng nuôi con cùng anh G.

- Về tài sản và nợ: Anh G xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết.

*** Bị đơn chị Trần Thanh Th trình bày:** Về hôn nhân chị và anh G chung sống với nhau như vợ chồng năm 2018, không đăng ký kết hôn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, về con chung đúng như anh G trình bày. Khi ly hôn chị Th đồng ý giao con tên Châu Minh H, sinh năm 2020 cho anh G tiếp tục nuôi dưỡng, chị Th không cấp dưỡng nuôi con cùng anh G;

Về tài sản và nợ: chị Th xác định chị và anh G không có tài sản chung và không nợ bất kỳ ai nên không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết.

*** Tại phiên tòa:**

Nguyên đơn anh Châu Hoàng G và chị Trần Thanh Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

*** Kiểm sát viên phát biểu:**

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự, đối với người tham gia tố tụng thì từ khi thụ lý vụ án đến nay nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Ý kiến về giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì xác định anh G và chị Th chung sống với nhau năm 2018 đến nay không đăng ký kết hôn, trong thời gian chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nên anh G khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Th; Xét thấy, anh G và chị Th chung sống với nhau như vợ chồng năm 2018 đến nay không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng...” theo quy định khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014 đề nghị HĐXX tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Châu Hoàng G và chị Trần Thanh Th.

- Về con chung: Anh G và Chị Th xác định trong thời gian sống với anh G có 01 đứa con chung đặt tên Châu Minh H, sinh ngày 25/6/2020. Khi ly hôn chị Th đồng ý giao cháu H cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng, chị Th không cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh G. Xét thấy cháu H hiện nay chưa được 36 tháng tuổi nhưng từ khi anh G và chị Th ly thân cho đến nay thì anh G trực tiếp nuôi, nay chị Th tự nguyện giao cháu H cho anh G được nuôi nên đề nghị HĐXX chấp

nhận yêu cầu của anh G giao cháu H cho anh G được nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 luật hôn nhân và gia đình.

- *Về tài sản và nợ*: Anh G, chị Th xác định không có tài sản chung, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết. Đề nghị không xem xét.

- *Về tài sản và nợ chung*: Anh G và chị Th xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết. Đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. *Xét về quan hệ hôn nhân*: Anh G và chị Th chung sống với nhau như vợ chồng năm 2018 mãi cho đến nay không đăng ký kết hôn, trong thời gian chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nên anh G khởi kiện xin ly hôn đối với chị Th, xét thấy, anh G và chị Th chung sống với nhau như vợ chồng 2018 đến nay không đăng ký kết hôn nên vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nay anh Giang khởi kiện xin ly hôn thì căn cứ vào Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 “*Nam và Nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*” Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Châu Hoàng G và chị Trần Thanh Th.

- *Về con chung*: Anh G và chị Th xác định có 01 đứa con chung, tên Châu Minh H, từ khi sinh ra cho đến nay anh G và chị Th chưa đi đăng ký khai sinh cho cháu H, nhưng anh G và chị Th xác định ngày tháng năm sinh của cháu H là ngày 25/6/2020 (có giấy tiêm ngừa khi sinh cháu H) nên HĐXX ghi nhận ý kiến của anh G và chị Th để xác định ngày tháng năm sinh của cháu H là ngày 25/6/2020. Hiện nay cháu H do anh G trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị Th đồng ý giao cháu H cho anh G nuôi, xét thấy việc giao con cho anh G nuôi là tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình nên giao cháu H cho anh G được tiếp tục nuôi dưỡng, chị Th không cấp dưỡng nuôi con cùng anh G.

- *Về tài sản và nợ*: Anh G và chị Th xác định không có tài sản chung, không nợ chung, không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, 228, Điều 235, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Châu Hoàng G và chị Trần Thanh Th.

[2]. *Về con chung*: Giao cháu Châu Minh H, sinh ngày 25/6/2020 cho anh G nuôi dưỡng, hiện cháu H đang sống với anh G.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

[3]. *Về tài sản và nợ chung*: Anh G và chị Th xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết. Không xem xét.

[4]. *Về án phí sơ thẩm*: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), án phí ly hôn. Buộc anh G phải chịu, nhưng được trừ vào 300.000 đồng mà anh G đã nộp theo biên lai số 0001187 ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh. Anh G đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/5/2023).

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi gửi:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Lưu HS vụ án, VP.

Lê Mỹ Huê